TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 484/2025/HNGĐ-ST Ngày: 12 - 6 - 2025 Về "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nghiêm Xuân Hoàng

2. Bà Trương Thị Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Thanh U, sinh năm 1982
Địa chỉ: 193/1 G, Phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978
Địa chỉ: 122/18/2A V, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Thanh U trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2006 ngày 05/6/2006.

Sau khi kết hôn, Bà U và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, các bên đã từng hàn gắn nhiều lần, nhưng vẫn không cải thiện được. Đến năm 2023, ông T bỏ đi không quay về thăm vợ con, không nuôi dạy con cái, bỏ mặc một mình Bà U nuôi dạy các con. Bà U đã cố gắng liên lạc với ông T và liên hệ với gia đình ông T nhưng không được. Nay Bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà U và ông T có 3 con chung là Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 31/8/2006 (đã thành niên), Nguyễn Thái Hạo T, sinh ngày 21/08/2008, Nguyễn Thái Bảo V, sinh ngày 28/10/2012. Bà U yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà U tự khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U tự khai không có nợ chung.

Ngày 23/4/2025, Bà U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thụy Thanh U yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thụy Thanh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Hữu T, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bà U và ông T.

Ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Như vậy, việc bị đơn không đến Tòa tham gia tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2006 ngày 05/6/2006. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Dựa trên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn cho thấy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông

Nguyễn Hữu T chỉ còn ràng buộc về mặt pháp lý. Từ thời điểm năm 2023, cả hai không còn chung sống với nhau, ông T bỏ đi không quay về thăm vợ con, không nuôi dạy con cái, Bà U một mình nuôi dạy các con đến nay. Bà U đã cố gắng liên lạc với ông T và liên hệ với gia đình ông T nhưng không được. Bản thân Bà U xác định không còn tình cảm với ông T, giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn; ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Theo đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Thanh U là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các Giấy khai sinh số 101/2006 quyển số 01, Giấy khai sinh số 99 quyển số 01/2008, Giấy khai sinh số 3 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần lượt cho Nguyễn Thái Bảo N, Nguyễn Thái Hạo T, Nguyễn Thái Bảo V, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T có ba con chung là Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 31/8/2006 (đã thành niên), Nguyễn Thái Hạo T, sinh ngày 21/8/2008, Nguyễn Thái Bảo V, sinh ngày 28/10/2012.

Theo kết quả xác minh tại Công văn số 256/TAPN ngày 20/02/2025 của Uỷ ban nhân dân Phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay cháu Nguyễn Thái Hạo T và cháu Nguyễn Thái Bảo V đang sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thụy Thanh U tại địa chỉ 193/1 G, Phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu T và cháu V bình thường, ổn định.

Căn cứ vào các văn bản trình bày ý kiến ngày 20/2/2025 của cháu Nguyễn Thái Hạo T và cháu Nguyễn Thái Bảo V, ghi nhận cháu T và cháu V đều có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thụy Thanh U. Xét các tài liệu sao kê từ tài khoản ngân hàng do Bà U nộp, thể hiện Bà U có công việc, kinh tế ổn định, đủ điều kiện nuôi các cháu T và Vy. Như vậy, Bà U là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu V từ khi sinh ra đến nay và Bà U có đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con. Do đó, yêu cầu của Bà U về việc đề nghị được trực tiếp nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh U khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh U khai Bà U và ông T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Thanh U phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thụy Thanh U.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Thanh U được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2006 ngày 05/6/2006 do Ủy ban nhân dân Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T có ba con chung tên Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 31/8/2006 (đã thành niên), Nguyễn Thái Hạo T, sinh ngày 21/8/2008, Nguyễn Thái Bảo V, sinh ngày 28/10/2012.

Giao con chung tên Nguyễn Thái Hạo T, sinh ngày 21/8/2008; Nguyễn Thái Bảo V, sinh ngày 28/10/2012 cho bà Nguyễn Thụy Thanh U trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà

Nguyễn Thụy Thanh U về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh U tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh U tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Thanh U phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thụy Thanh U đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055273 ngày 13/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thụy Thanh U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thụy Thanh U và ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường O, quận P;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Lê Ninh